

PHÂN TÍCH TÍN DỤNG (CONT)



Webiste: ub.com.vn

1

TS. NGUYỄN ĐỨC TRUNG



Webiste: ub.com.vn

- 2000-2001: Vietinbank – HO
- 2002-2008: Phó chủ nhiệm Bộ môn NHTM - Khoa Ngân hàng – HVNH
- 2006-nay: Bí thư Đoàn TN Học viện Ngân hàng - Đảng ủy viên HVNH
- 2009- nay: Trưởng phòng Nghiên cứu Khoa học & T- vấn -HVNH
- 2004-nay: Giảng viên kiêm chức của Agribank, Vietinbank, VDB, PVFC, VCCI & BTC.
- 2006 - nay: Chuyên gia dự án SMEDF - EU
- 2008 - nay: Chuyên gia t- vấn dự án quỹ Ford - VCCI
- 2008 - nay: Giảng viên chương trình ITP – Sunderland University-UK
- 2009 -nay: Chuyên gia t- vấn Dự án n- ớc sạch ĐBSCL của Ngân hàng Phát triển Pháp(AFD)
- 2010 -nay: Trưởng dự án nghiên cứu SEACEN (Trung tâm nghiên cứu khối NHTW ASEAN)
- 2010 – nay: Chuyên gia t- vấn dự án thủy điện của World Bank

Tel: 0983381599

Email: ndtrunghvn@gmail.com

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG



● Lập hồ sơ tín dụng

● **Phân tích tín dụng**

● Quyết định tín dụng

● Giải ngân

● Giám sát và thu nợ

● Thanh lý hợp đồng tín dụng



3

THẢO LUẬN NHÓM



- Nguồn thông tin NH có thể sử dụng trong phân tích tín dụng?
- Những thông tin có được từ mỗi nguồn?

4

Cơ sở phân tích tín dụng



- Hồ sơ tín dụng
- Phỏng vấn KH vay vốn
- Điều tra cơ sở SXKD của KH
- Nguồn thông tin bên ngoài
- Thông tin l- u trữ tại chính NH



5

Nội dung phân tích tín dụng



- Đánh giá năng lực chủ đầu t-
 - Năng lực pháp lý
 - Năng lực tài chính
 - Năng lực kinh doanh
 - Môi tr- ờng kinh doanh
- Đánh giá ph- ơng án & dự án
- Đánh giá bảo đảm tiền vay



6

1.1.Đánh giá Khách hàng Doanh nghiệp

Webiste: ub.com.vn

- Năng lực pháp lý
- Năng lực tài chính
- Năng lực kinh doanh
- Môi tr- ờng kinh doanh



7

1.1.1.Năng lực pháp lý

Webiste: ub.com.vn

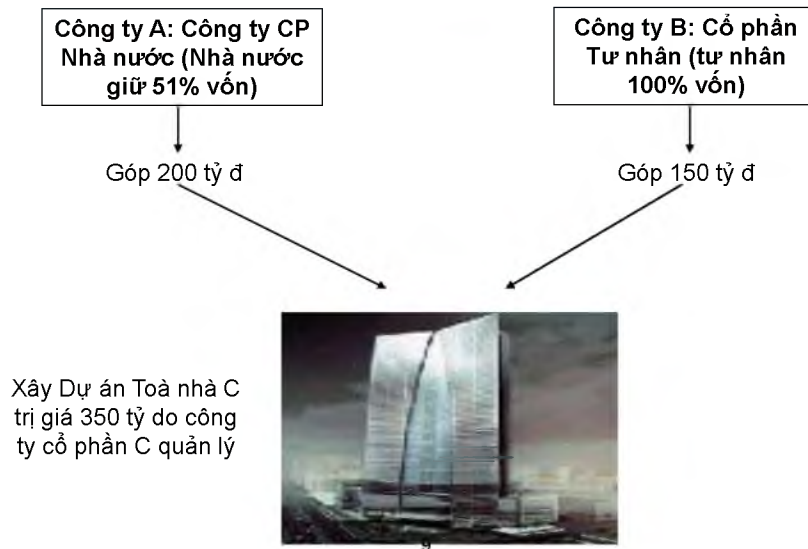
• Cá nhân:

- NLPLDS (điều 14 Luật DS): Là khả năng của cá nhân có quyền dân sự và nghĩa vụ dân sự
- NLHVDS (điều 17 Luật DS): Là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự

• **Doanh nghiệp:** NLPLDS (điều 84 Luật DS)

- Được thành lập hợp pháp
- Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ
- Có TS độc lập với cá nhân-TC khác & chịu trách nhiệm bằng TS đó
- Nhân danh mình tham gia các quan hệ PL một cách độc lập

8



1.1.1. Nội dung cần lưu ý

- ***Liệt kê đầy đủ các hồ sơ pháp lý liên quan đến KH***
- **Thảo luận:**
 - Làm đúng ngay từ đầu?? >< Làm lại cho đúng??



1.1.2. Năng lực tài chính của KH

Webiste: ub.com.vn

- Các hệ số tài chính cơ bản
- Đánh giá l- u chuyển tiền tệ



11

Tình huống

Webiste: ub.com.vn

Có bao nhiêu % số NHTM Việt Nam đã xây dựng được hệ thống chấm điểm tín dụng

- A.50%
- B.70%
- C. 100%
- D. A, b, c sai

12

PHÂN TÍCH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH



- Hệ số về khả năng thanh toán
- Các hệ số về cơ cấu vốn
- Các tỷ lệ về hoạt động
- Các hệ số sinh lời



13

Các hệ số về khả năng thanh toán



- **Hệ số thanh toán ngắn hạn:** thể hiện khả năng của doanh nghiệp trong việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn từ tài sản l- u động

	2006	2005
Tài sản l- u động		
Nợ ngắn hạn		

14

Các hệ số về khả năng thanh toán

Webiste: ub.com.vn

- **Hệ số thanh toán nhanh:** thể hiện khả năng của doanh nghiệp trong việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn từ tài sản l- u động có tính thanh khoản cao nhất

	2006	2005
Tài sản l- u động - Hàng tồn kho		
Nợ ngắn hạn		

15

Các tỷ lệ về hoạt động

Webiste: ub.com.vn

- **Vòng quay các khoản phải thu:** Cho thấy chất l- ợng của các khoản phải thu và sự thành công của doanh nghiệp trong việc thu hồi nợ

	2006	2005
Doanh thu thuần		
Các khoản phải thu bq		

16

Các tỷ lệ về hoạt động



- **Vòng quay hàng tồn kho:** Cho thấy tính hiệu quả trong việc quản lý hàng tồn kho của doanh nghiệp

	2006	2005
$\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bq}}$		

17

Các tỷ lệ về hoạt động



- **Vòng quay các khoản phải trả:** Cho thấy khả năng chiếm dụng vốn của doanh nghiệp trong việc mua hàng hoá trả chậm

	2006	2005
$\frac{\text{Mua hàng ròng}}{\text{Các khoản phải trả bq}}$		

18

Các tỷ lệ về hoạt động



Webiste: ub.com.vn

- **Vòng quay vốn l- u động:** Cho thấy tính hiệu quả của doanh nghiệp trong việc sử dụng tài sản l- u động để tạo doanh thu

	2006	2005
$\frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tài sản l- u động bq}}$		

19

Các hệ số sinh lời



Webiste: ub.com.vn

- **ROS:** Cho thấy khả năng sinh lời của doanh nghiệp sau khi đã trừ các chi phí

	2006	2005
$\frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Doanh thu thuần}}$		

20

Các hệ số sinh lời



- ROA: Cho thấy khả năng sinh lời trên tài sản của doanh nghiệp

	2006	2005
$\frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Tổng tài sản}}$		

21

Các hệ số sinh lời



- ROE: Cho thấy khả năng sinh lời cho cổ đông của doanh nghiệp

	2006	2005
$\frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$		

22

Các hệ số về cơ cấu vốn



Webiste: ub.com.vn

- **Hệ số Nợ:** Thể hiện phần trăm tài sản của doanh nghiệp đ- ợc tài trợ từ vốn vay

$$\frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Tổng tài sản}} \quad \begin{matrix} 2006 & 2005 \end{matrix}$$

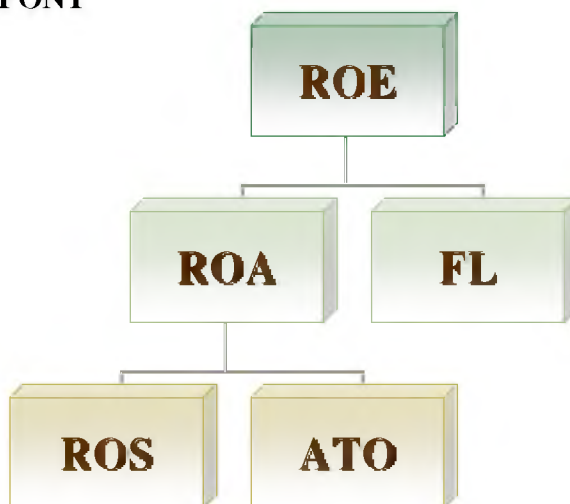
23

MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC CHỈ TIÊU VỀ LỢI NHUẬN



Webiste: ub.com.vn

MÔ HÌNH DUPONT



24

Phân tích DuPont



Webiste: ub.com.vn

$$\frac{\text{LNST}}{\text{Vốn tự có}} = \frac{\text{LNST}}{\text{Tổng TS}} \times \frac{\text{Tổng TS}}{\text{Vốn tự có}}$$

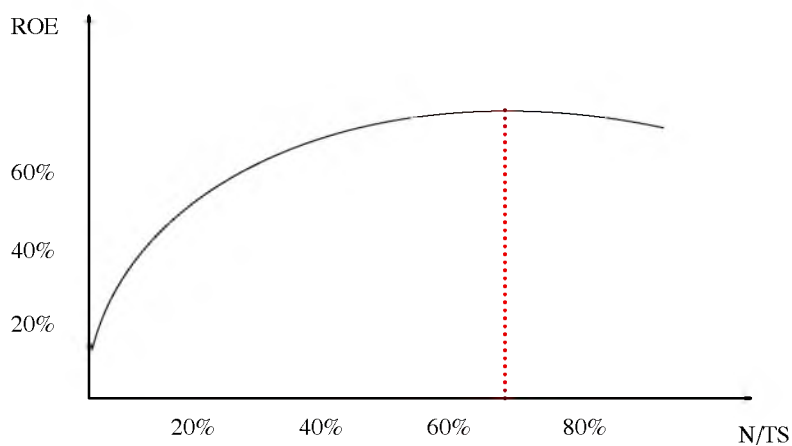
$$\text{ROE} = \text{ROA} \times \frac{\text{Nợ + Vốn tự có}}{\text{Vốn tự có}}$$

25

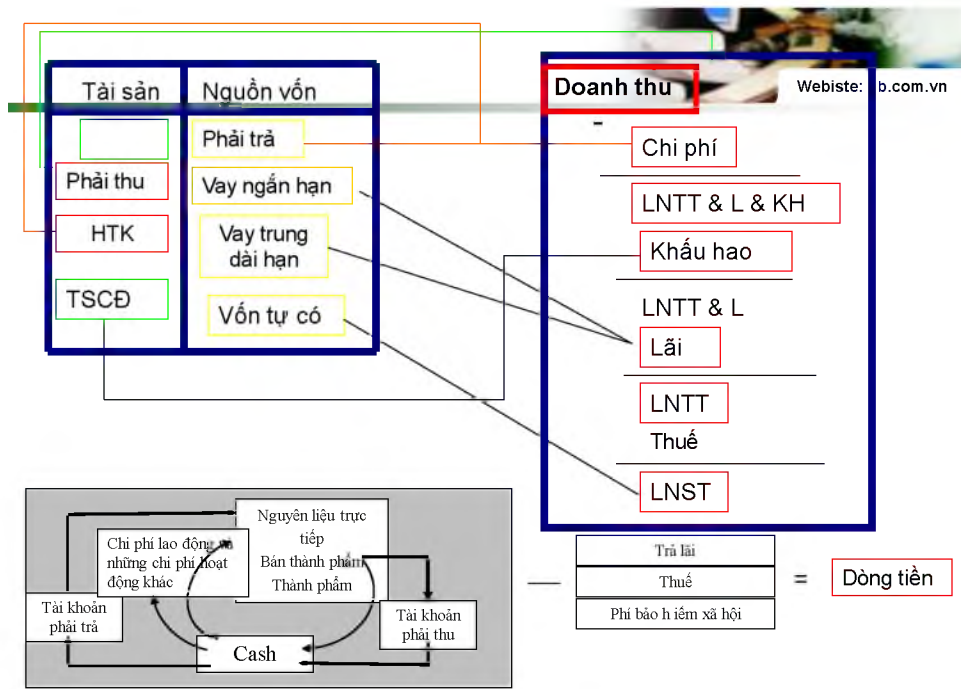
Kinh doanh vượt quá khả năng quản lý



Webiste: ub.com.vn



26



27

Các hệ số về cơ cấu vốn

- **Hệ số thanh toán lãi vay:** thể hiện khả năng của DN trong việc thanh toán lãi vay cho chủ nợ

2006

2005

LNTT và lãi vay (EBIT)

Lãi vay phải trả

28



- **Tỷ suất tự tài trợ TSDH:** Thể hiện mức độ tài sản dài hạn của doanh nghiệp đ- ợc tài trợ bằng nguồn vốn CSH

	2006	2005
Vốn chủ sở hữu		
Tài sản dài hạn		

29



Phân tích luồng tiền trả lời cho những câu hỏi:

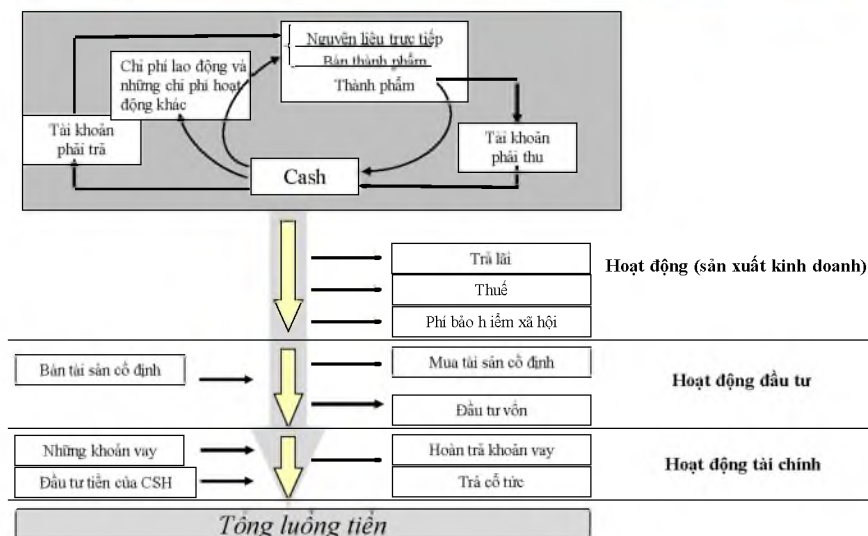
- Sự chênh lệch giữa LN và số tiền hiện có là như thế nào?
- Nguồn tiền và chúng được sử dụng cho mục đích gì?
- Nguồn vốn bằng tiền có đủ để trang trải cho những hoạt động hiện thời không?
- Có đủ nguồn vốn cho mục đích đầu tư hay không?
- Liệu công ty có thể trang trải tài sản nợ ngắn hạn của mình, kể cả những khoản vay, từ các định chế cho vay hay không?

30

Biểu đồ lưu chuyển tiền tệ



Webiste: ub.com.vn



31

Ph- ơng pháp trực tiếp



Webiste: ub.com.vn

$$CF = CFO + CFI + CFF = (-494) + (-292) + 763 = -23$$

D.Thu 08		Thuế TN 08		TSCĐR 07	
P.Thu 07		Nợ thuế 07		TSCĐR 08	
P.Thu 08		Nợ thuế 08		Khấu hao 08	
DT = tiền 08		TN khác 08		CFI 08	
GVHB 08		K.trả trước 07		Nợ DH đến hạn 07	
HTK 07		K.trả trước 08		Nợ DH đến hạn 08	
HTK 08		TSLĐ khác 07		Vay ngắn hạn 08	
P.trả 07		TSLĐ khác 08		Nợ dài hạn 07	
p.trả 08		C.P cộng dồn 07		Nợ dài hạn 08	
GVHB=tiền08		C.P cộng dồn 08		Trả cổ tức 08	
SGA 08		TSN khác 07		CFF 08	
Lãi trả 08		CFO 08		CF 08	

32

$$100/10 = 10$$



Webiste: ub.com.vn

◆1/1/2007: 100

31/12/2007: 90

1/1/2008: 90 - 10

2/1/2008: 100 - 10

31/12/2008: 170

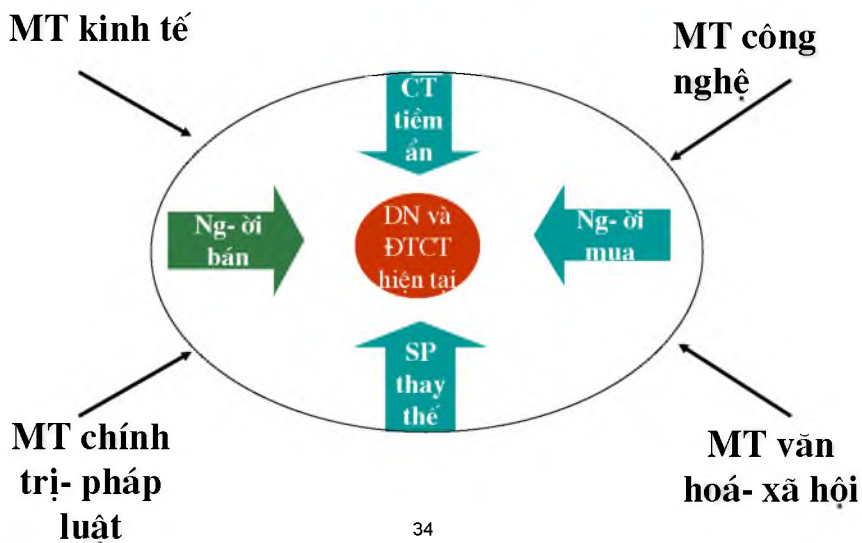
$$CFI = 90 - 170 - 20 = -100$$

33

1.1.3. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH PEST



Webiste: ub.com.vn



34

1.1.3.2. Phân Tích Ngành Kinh Doanh



Webiste: ub.com.vn

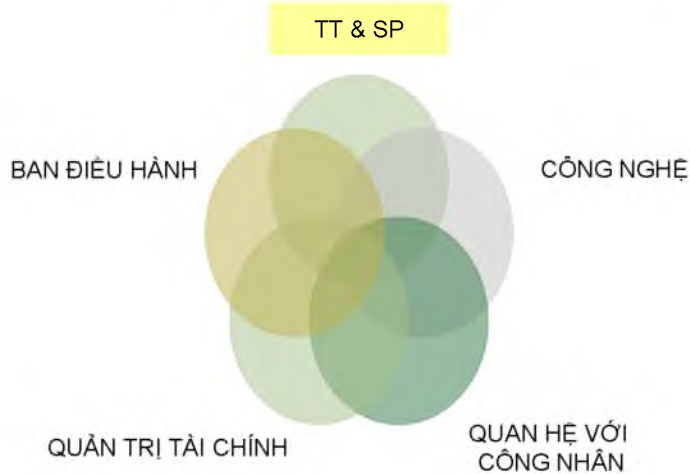
- Nỗ lực vào mô hình tăng trưởng của ngành (tại sao ngành tăng trưởng hay suy giảm?)
- ✱ Về thế cạnh tranh của công ty? (Biết rõ phần của các cty hàng đầu trong ngành vào mô hình nỗ lực tập trung)
- ✱ Những khâu năng xuất hiện các lợi thế thu hút
- ✱ Những khâu năng xuất hiện SP thay thế
- ✱ Hiệu suất của của TT đầu vào vào đầu ra

35

1.1.4. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA DN



Webiste: ub.com.vn



36

Nhược điểm của phân tích cổ điển

Webiste: ub.com.vn

- Không khách quan
- Dễ dẫn đến vấn đề đạo đức nghề nghiệp
- Khó khăn trong đánh giá tổng hợp
- Một tình huống có thể dẫn đến nhiều nhận định hợp lý nhưng trái ngược nhau



37

Kỹ thuật chấm điểm tín dụng

Webiste: ub.com.vn

- Xây dựng các tiêu thức tác động tới khả năng trả nợ của KH vay vốn
- Xác định điểm số cho từng tiêu thức
- Xác định điểm chuẩn
- Thực hiện mô hình xây dựng cho KH mới đề nghị vay vốn



38

Kỹ thuật chấm điểm tín dụng



Webiste: ub.com.vn

- **Hệ thống điểm số** là một tập hợp các tiêu thức khác nhau liên quan đến từng KH vay tiêu dùng.
- Mỗi tiêu thức có một điểm số khác nhau tùy theo tình trạng của tiêu thức và tầm quan trọng trong hệ thống các tiêu thức
- PP điểm số dựa trên kết quả thống kê trong quá khứ, chỉ ra KH tốt và KH xấu -> việc phân tích vấn đề bao gồm nhiều yếu tố đ-ợc đơn giản hóa chỉ còn một yếu tố - điểm tín dụng của KH.

39

Các yếu tố trong hệ thống điểm số



Webiste: ub.com.vn

- **Yếu tố tài chính**
 - Sinh lời
 - Thanh khoản
 - Cơ cấu vốn
 - Luân chuyển vốn
- **Phi tài chính**
 - Quan hệ với NH
 - Uy tín
 -

Khả năng &
thiện chí trả
nợ

40

Kỹ thuật chấm điểm tín dụng

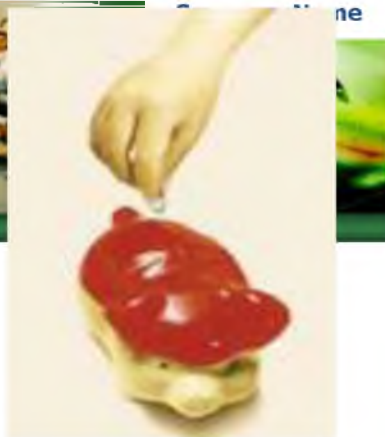


- Điểm của ng- ời xin vay sẽ đ- ợc cộng lại và kết quả đ- ợc so sánh với **điểm chuẩn** đã đ- ợc xác định tr- ớc
- Khoản tín dụng sẽ bị từ chối nếu tổng số điểm của KH thấp hơn **điểm chuẩn**.



41

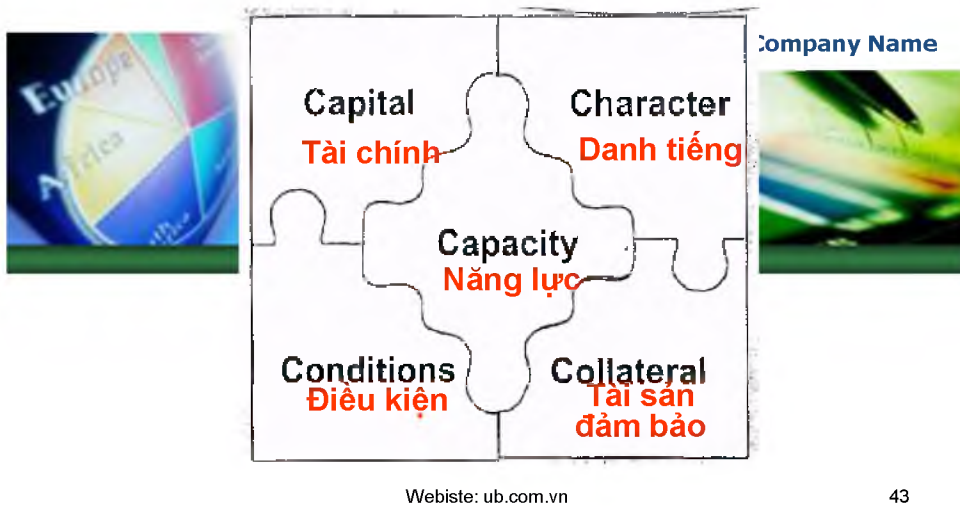
1.2.Thẩm định trong cho vay tiêu dùng



Webiste: ub.com.vn

42

Mô hình thẩm định định tính 5C



43

Ý nghĩa 5 C



- Danh tiếng – Bản chất, tính nhất quán và thái độ của người vay trong cuộc sống riêng tư và trong kinh doanh
- Năng lực – khả năng cân đối nguồn trả nợ và kế hoạch trả nợ
- Tài chính – mức ổn định của thu nhập
- Điều kiện - đề cập đến mục đích vay, tình hình kinh tế xã hội liên quan đến người vay
- Tài sản đảm bảo – các tài sản được cầm cố, thế chấp để trang trải cho rủi ro không được hoàn trả.

Ví dụ hệ thống điểm số

Webiste: ub.com.vn



45

HỆ THỐNG ĐIỂM SỐ

Webiste: ub.com.vn

Tuổi	18 - 25	25-40	40-60	>60
	5	15	20	10
Trình độ	Trên ĐH	ĐH	Trung học	Dưới trung học
	20	15	5	-5
Nghề nghiệp	Chuyên môn	Thư ký	Kinh doanh	Nghỉ hưu
	25	15	5	0

46

HỆ THỐNG ĐIỂM SỐ



Webiste: ub.com.vn

Thời gian công tác	Dưới 6 tháng	6 tháng – 1 năm	1-5 năm	>5 năm
	5	10	15	20
Thời gian làm công việc hiện tại	Dưới 6 tháng	6 tháng – 1 năm	1-5 năm	>5 năm
	5	10	15	20
Tình trạng nhà ở	Sở hữu riêng	thuê	Chung với GĐ khác	Khác
	30	12	5	0

47

HỆ THỐNG ĐIỂM SỐ



Webiste: ub.com.vn

Cơ cấu gia đình	Hạt nhân	Sống với cha mẹ	Sống cùng 1 GĐ khác	Sống cùng 1 số GĐ khác
	20	5	0	-5
Số người ăn theo	Độc thân	<3 người	3-5 người	> 5 người
	0	10	5	-5
Thu nhập cá nhân/năm	>120 triệu	36 – 120 triệu	12 – 36 triệu	< 12 triệu
	30	12	5	0

48

HỆ THỐNG ĐIỂM SỐ



Webiste: ub.com.vn

Thu nhập gia đình/năm	>240 triệu	72 - 240 triệu	24 - 72 triệu	< 24 triệu
	40	30	15	-5
Tình hình trả nợ với ICB	Chưa giao dịch vay vốn	Chưa bao giờ quá hạn	Thời gian quá hạn < 30 ngày	T quá hạn > 30 ngày
	0	40	0	-5
Tình hình chậm trả lãi	Chưa giao dịch vay vốn	Chưa bao giờ chậm trả	Chưa bao giờ chậm trả trong 2 năm	Đã chậm trả trong 2 năm
	0	40	0	-5

49

HỆ THỐNG ĐIỂM SỐ



Webiste: ub.com.vn

Tổng dư nợ hiện tại	< 100 triệu	100 - 500 triệu	500 - 1000 triệu	> 1 tỷ
	25	10	5	-5
Các dịch vụ khác sử dụng tại ICB	Chỉ gửi tiết kiệm	Chỉ sử dụng thẻ	Tiết kiệm và thẻ	Không sử dụng DV gì
	15	5	25	-5
Số dư TGTK trung bình	> 500 triệu	100 - 500 triệu	20 - 100 triệu	< 20 triệu
	40	25	10	0

50

HỆ THỐNG ĐIỂM SỐ



Webiste: ub.com.vn

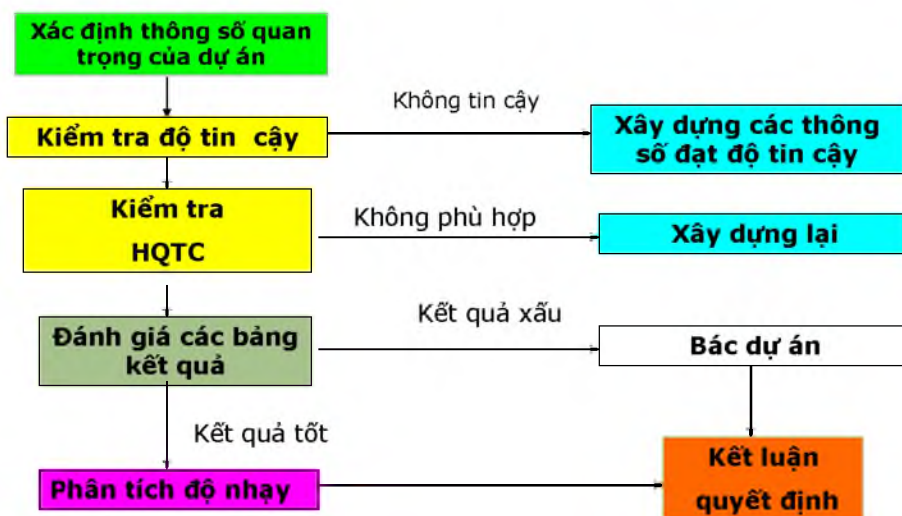
Loại	Điểm đạt được
Aa+	≥ 401
Aa	351 - 400
Aa-	301 - 350
Bb+	251 - 300
Bb	201 - 250
Bb -	151 - 200
Cc+	101 - 150
Cc	51 - 100
Cc-	0 - 50
D	< 0

51

2.THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN – DỰ ÁN



Webiste: ub.com.vn



52

2.1.Đánh giá hiệu quả tài chính FA

Webiste: ub.com.vn

$$MSL = \frac{\text{Doanh thu} - \text{Chi phí}}{\text{Chi phí}}$$

Quan điểm của doanh nghiệp

Tính chi phí gồm cả lãi vay

Quan điểm của ngân hàng

Không tính chi phí lãi vay

53

2.2.Nội dung quy trình thẩm định DADT

Webiste: ub.com.vn

Pháp lý dự án;

Đánh giá sự cần thiết phải đầu t- ;

Phân tích thị tr- ờng các yếu tố đầu vào, đầu ra;

Các vấn đề kỹ thuật: CN, thiết bị, môi tr- ờng, địa điểm ĐT

Xây dựng mô hình tính toán đánh giá hiệu quả tài chính DA;

Đánh giá hiệu quả kinh tế – xã hội của dự án

Rủi ro, các biện pháp giảm thiểu.

54

3. Nội dung thẩm định TSBĐ

Webiste: ub.com.vn

- Thẩm định pháp lý TSBĐ
- Xác định giá trị TSBĐ
- Thẩm định tính khả mại TSBĐ
- Thẩm định khả năng gia tăng giá trị của TS
- Thẩm định mức độ an toàn của TSBĐ

55

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG

Webiste: ub.com.vn

- 🎯 Lập hồ sơ tín dụng
- 🎯 Phân tích tín dụng
- 🎯 Quyết định tín dụng
- 🎯 Giải ngân
- 🎯 Giám sát và thanh lý tín dụng

56

2.3 QUYẾT ĐỊNH TÍN DỤNG



- Cơ sở ra quyết định tín dụng
- Quyền phán quyết tín dụng
- Nội dung ra quyết định tín dụng

57

Cơ sở ra quyết định tín dụng



- Thông tin cập nhật từ thị trường, các cơ quan có liên quan;
- Chính sách tín dụng của ngân hàng, những quy định hoạt động tín dụng của nhà nước;
- Nguồn cho vay của ngân hàng khi ra quyết định;
- Kết quả thẩm định bảo đảm tín dụng.

58

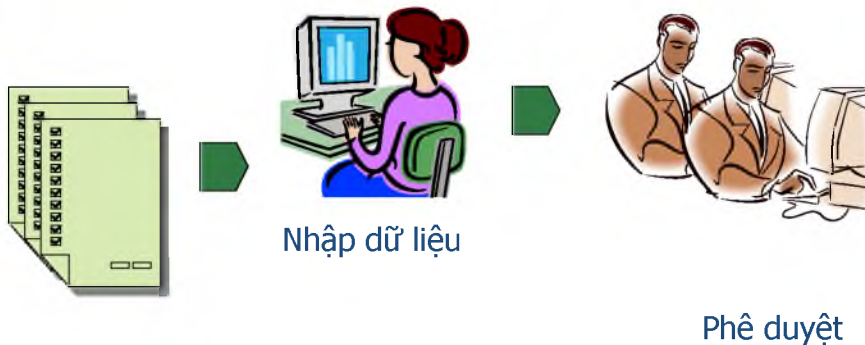
QUYẾT ĐỊNH TÍN DỤNG



Webiste: ub.com.vn

Tập trung ra quyết định tín dụng

Phân quyền ra quyết định tín dụng



59

Nội dung ra quyết định tín dụng



Webiste: ub.com.vn

❶ **Không đồng ý: Thông báo từ chối cho vay**

❷ **Đồng ý:**

❶ **Hợp đồng tín dụng**

❶ **Mức cho vay**

❶ **Thời hạn cho vay**

❶ **Lãi suất cho vay**

❶ **Hợp đồng Bảo đảm tiền vay**

60

Xác định mức cho vay



Webiste: ub.com.vn

🎯 **Nhu cầu vay cần thiết và hợp lý = Tổng Nhu cầu – VTC – Vốn khác**

🎯 **Khả năng nguồn vốn của ngân hàng:**

+ Quyết định đến khả năng thanh toán chi trả của NH.

+ Căn cứ vào cân đối vốn kế hoạch & thực tế.

🎯 VD: DTBB: 3%

🎯 DTTT: 5%

🎯 **Giới hạn cho vay tối đa:**

+ Theo VTC của ngân hàng.

+ Theo VTC của khách hàng.

+ Theo giá trị tài sản bảo đảm.

Tài sản	Nguồn vốn
DT: 300	VHĐ: 2000
CV: 1800	>12T: 1000
Ngán: 450	<12T: 1000
Dài: 1350	VTC: 500
Khác: 400	

61

Xác định thời hạn cho vay



Webiste: ub.com.vn

🎯 **Thời gian ng- ời sử dụng cần sử dụng vốn vay.**

- Vay SXKD phụ thuộc vào đặc điểm luân chuyển vốn và dòng tiền của doanh nghiệp

VD: Chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp: 6t → NH có cho vay 6t?

VD: Thời gian khấu hao 10 năm → NH có nhất thiết cho vay 10 năm.

🎯 **Tính chất nguồn vốn ngân hàng** (có ý nghĩa trong thời gian dài)

🎯 **Cơ sở pháp lý:** thời hạn cho vay trung dài hạn < thời gian hoạt động còn lại của doanh nghiệp.

62

Xác định lãi suất cho vay



Webiste: ub.com.vn

- **Lãi suất bình quân đầu vào.**
- **Chi phí hoạt động của ngân hàng.**
- **Mức rủi ro của từng khoản tín dụng**
- **Chi phí VTC: ROE dự kiến.**
- **Lãi suất cho vay thị trường (đối thủ cạnh tranh)**

63

Tình huống

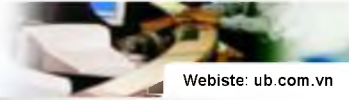


Webiste: ub.com.vn

- Cty SXKD đồ Gỗ Bình Hào có nhu cầu vay từng lần thực hiện hợp đồng XK cho Nga. Tổng giá trị hợp đồng 4680 triệu đồng, thời gian giao hàng hợp đồng là 17/11/07
- Bên nhập khẩu ứng trước tiền hàng là 1280 triệu đồng, số tiền còn lại sẽ được thanh toán sau khi giao hàng 2 tháng
- Để thực hiện HĐ, cty cần thực hiện các chi phí sau:
 - CF NVL: 2135 triệu đ
 - Chi trả công l.động: 567 triệu đ
 - Khấu hao TSCĐ: 1213 triệu đ
 - Chi phí khác: 89 triệu đ
- Cty xuất trình hợp đồng mua NVL ký ngày 15/8/07 là 1010 triệu đ, điều kiện thanh toán sau 1 tháng
- Đề nghị NH cho vay 1010 triệu đ
- Lãi suất cho vay hiện tại là 1,8%/tháng
- Yêu cầu:
 - NH có nên cho vay không?
 - Xác định Mức cho vay và T_{cv}
- Biết rằng:
 - Khoản vay được bảo đảm bằng TSTC có giá trị 3500 triệu đ
 - Vốn tự có tham gia là 689 triệu đ
 - NH chấp nhận CV 70% giá trị TSTC

64

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG



- Lập hồ sơ tín dụng
- Phân tích tín dụng
- Quyết định tín dụng
- **Giải ngân**
- Giám sát và thanh lý tín dụng

65

2.4. GIẢI NGÂN



- Cơ sở giải ngân
- Nội dung giải ngân



66

Cơ sở giải ngân



- Cơ sở để NH thực hiện giải ngân là kế hoạch sử dụng vốn tín dụng đã được nêu trong hợp đồng tín dụng.
- Tài liệu liên quan đến sử dụng tiền vay:
 - Hợp đồng cung ứng vật t- hàng hoá dịch vụ,
 - Bảng kê các khoản chi tiết,
 - Kế hoạch chi phí,
 - Biên bản nghiệm thu..

67

Nội dung giải ngân



- Ph- ơng pháp giải Ngân
- Cấp tiền thuần túy
- Cấp tiền có điều kiện
- Hình thức giải ngân
- Giải Ngân bằng tiền mặt
- Giải ngân chuyển khoản



68

II. QUY TRÌNH TÍN DỤNG



- Lập hồ sơ tín dụng
- Phân tích tín dụng
- Quyết định tín dụng
- Giải ngân
- **Giám sát và thanh lý tín dụng**

69

2.5. GIÁM SÁT TÍN DỤNG



Mục đích giám sát

- Ngăn ngừa những hành vi vi phạm của KH, hạn chế xu hướng rủi ro đạo đức nhằm đảm bảo an toàn tín dụng.
- Phát hiện kịp thời những biểu hiện vi phạm, qua đó có biện pháp xử lý thích hợp nhằm bảo vệ quyền lợi của NH



70

2.5. Giám sát tín dụng



Webiste: ub.com.vn

Nội dung giám sát

- Theo dõi khoản vay
- Kiểm tra mục đích sử dụng vốn vay
- Theo dõi, phân tích tình hình hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính và bảo đảm tín dụng của KH
- Xếp hạng tín dụng theo mức độ rủi ro

71

Bảng xếp hạng rủi ro tín dụng



Webiste: ub.com.vn

Mức rủi ro	Mô tả nội dung
1. Tín dụng ít rủi ro	Khả năng thực hiện các nghĩa vụ của khách hàng là chắc chắn, bảo đảm việc trả nợ nh- đã thỏa thuận (có thể có một số khía cạnh yếu nhỏ về rủi ro)
2. Tín dụng rủi ro trung bình	Khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính của khách hàng là vững chắc, rủi ro tín dụng nhìn chung ở mức chấp nhận đ- ợc, nh- ng có một số khía cạnh yếu kém trên thực tế, cần có sự giám sát và kiểm soát.
3. Tín dụng trên mức rủi ro trung bình	Khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính của khách hàng ở mức không chắc chắn do những yếu kém lớn trên một số khía cạnh (các yếu kém này có dấu hiệu có khả năng sửa chữa đ- ợc)Mức rủi ro tiềm tàng này yêu cầu phải tăng c- ờng việc giám sát để tình hình không xấu đi.
4. Tín dụng rủi ro cao	Khách hàng đang trong tình trạng yếu kém kéo dài (ví dụ: thua lỗ trong kinh doanh, khó khăn trầm trọng về khả năng thanh toán) và NH đang cố gắng cải thiện hoặc từ bỏ mối quan hệ để tránh thua lỗ tiềm tàng.
5. Tín dụng khó đòi lại (khê đọng một phần)	Khách hàng có rủi ro cao, có thể bị thất thoát lại song có hy vọng lấy lại đ- ợc gốc.
6. Tín dụng khó đòi gốc và lãi (khê đọng toàn phần)	Khách hàng có rủi ro cao, có khả năng mất cả vốn, lãi và các khoản chi phí sau khi đã nỗ lực hết sức trong việc áp dụng các biện pháp có thể.

72

2.5. THANH LÝ TÍN DỤNG

Webiste: ub.com.vn

- Thanh lý tín dụng mặc nhiên: là việc chấm dứt hiệu lực của hợp đồng tín dụng khi khoản nợ đã đ- ợc hoàn trả đầy đủ.

- Thanh lý tín dụng bắt buộc: NH dựa vào các cơ sở pháp lý để tìm kiếm các nguồn bù đắp nhằm xử lý nợ do KH không tự giác thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NH.



73

2.5. THANH LÝ TÍN DỤNG

Webiste: ub.com.vn

- Thu nợ
- Cơ cấu lại thời hạn trả nợ:
 - Gia hạn nợ
 - Điều chỉnh kỳ hạn nợ
- Chuyển nợ quá hạn
- Xử lý nợ



74

Câu hỏi trắc nghiệm



Webiste: ub.com.vn

Ngân hàng Bắc á có giá trị khoản vay của khách hàng A bằng 150 triệu đồng, tài sản bảo đảm là bất động sản với giá trị là 200 triệu đồng và giả sử khoản nợ này đ- ợc xếp vào nhóm có tỷ lệ dự phòng là 20% (Nhóm 3 theo QĐ 493/NHNN) và 50% là tỷ lệ theo quy định của tài sản bảo đảm có liên quan. Theo QĐ 493/NHNN, số tiền dự phòng cụ thể của khoản nợ trên là:

- A. 10 triệu
- B. 15 triệu
- C. 20 triệu
- D. 25 triệu.